

50 CÂU HỎI

Cuộc thi:

“Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2026”

Câu 1:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 và Luật Việc làm năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, bảo hiểm xã hội có mấy loại hình?

A. Có 05 loại hình gồm: Trợ cấp hưu trí xã hội; Bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bảo hiểm xã hội tự nguyện; Bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm.

B. Có 04 loại hình gồm: Trợ cấp hưu trí xã hội; Bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bảo hiểm xã hội tự nguyện; Bảo hiểm hưu trí bổ sung.

C. Có 03 loại hình gồm: Trợ cấp hưu trí xã hội; Bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

D. Có 02 loại hình gồm: Bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Câu 2:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, loại hình trợ cấp hưu trí xã hội gồm các chế độ nào?

A. Trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng.

B. Hỗ trợ chi phí mai táng.

C. Hưởng bảo hiểm y tế do ngân sách Nhà nước đóng.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 3:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 và Luật An toàn, vệ sinh lao động, loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm các chế độ nào?

A. Ốm đau; Thai sản.

B. Ốm đau; Thai sản; Tai nạn lao động.

C. Ốm đau; Thai sản; Hưu trí; Tử tuất; Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

D. Ốm đau; Thai sản; Hưu trí; Tử tuất.

Câu 4:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, điều kiện hưởng chế độ thai sản đối với các trường hợp: Lao động nữ sinh con, mang thai hộ, nhận nuôi con nuôi phải có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ bao nhiêu tháng?

- A. Đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng liền kề trước khi sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi.
 - B. Đóng Bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng
 - C. Đóng Bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên.
 - D. Đóng Bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng liên tục.
-

Câu 5:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định khi đi khám thai lao động nữ được nghỉ bao nhiêu ngày?

- A. Lao động nữ mang thai được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản để đi khám thai tối đa 05 lần, mỗi lần không quá 01 ngày.
 - B. Lao động nữ mang thai được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản để đi khám thai tối đa 05 lần, mỗi lần không quá 02 ngày.
 - C. Lao động nữ mang thai được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản để đi khám thai tối đa 05 lần, mỗi lần không quá 03 ngày.
 - D. Lao động nữ mang thai được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản để đi khám thai tối đa 05 lần, mỗi lần không quá 05 ngày.
-

Câu 6:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi lao động nữ sinh con như thế nào?

- A. Lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng; thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng.
 - B. Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ 02 trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng.
 - C. Đáp án A và B đúng.
 - D. Đáp án A và B sai.
-

Câu 7:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đối với lao động nam đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi vợ sinh con là bao nhiêu ngày? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. 05 ngày làm việc; 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi.
 - B. Trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc. Trường hợp sinh ba trở lên thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi.
 - C. Trường hợp vợ sinh đôi phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc. Trường hợp sinh ba trở lên phải phẫu thuật thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi.
 - D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.
-

Câu 8:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, điều kiện hưởng lương hưu đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là gì?

- A. Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên.
 - B. Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động.
 - C. Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên thì được hưởng lương hưu.
 - D. Đáp án A và B đều đúng.
-

Câu 9:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định mức lương hưu hằng tháng đối với lao động nữ đủ điều kiện hưởng lương hưu như thế nào?

- A. Bằng 45% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.
- B. Bằng 55% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.
- C. Bằng 65% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

D. Bằng 75% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

Câu 10:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định mức lương hưu hằng tháng đối với lao động nam đủ điều kiện hưởng lương hưu như thế nào?

A. Bằng 35% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

B. Đối với lao động nam bằng 45% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%. Trường hợp lao động nam có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm, mức lương hưu hằng tháng bằng 40% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 1%.

C. Bằng 55% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

D. Bằng 65% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này tương ứng 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

Câu 11:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi có đủ các điều kiện nào?

A. Từ đủ 75 tuổi trở lên; từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ; Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

B. Từ 75 tuổi trở lên; Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

C. Từ đủ 80 tuổi trở lên; Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

D. Từ 80 tuổi trở lên; Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ; Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

Câu 12:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, bảo hiểm xã hội tự nguyện là gì?

A. Là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà công dân Việt Nam tự nguyện tham gia và được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình.

B. Là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà công dân Việt Nam bắt buộc tham gia và được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình.

C. Là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà công dân Việt Nam tự nguyện tham gia nhưng không được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình.

D. Là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải tham gia.

Câu 13:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, bảo hiểm xã hội tự nguyện bao gồm những chế độ nào? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất?

A. Trợ cấp thai sản; Hưu trí; Tử tuất; Bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

B. Hưu trí; Tử tuất.

C. Trợ cấp thai sản; Hưu trí; Tử tuất.

D. Trợ cấp thai sản; Hưu trí; Tử tuất; Bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp.

Câu 14:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện bao gồm những giấy tờ nào?

A. Tờ khai đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và Căn cước công dân.

B. Tờ khai đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

C. Căn cước công dân.

D. Tất cả các đáp án trên là sai.

Câu 15:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, hằng tháng người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đóng bằng bao nhiêu % mức thu nhập làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện vào quỹ hưu trí và tử tuất?

- A. Bằng 20%.
 - B. Bằng 22%.
 - C. Bằng 24%.
 - D. Bằng 23%.
-

Câu 16:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, người có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hoặc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con được hưởng trợ cấp thai sản khi thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?

- A. Lao động nữ sinh con.
 - B. Lao động nam có vợ sinh con.
 - C. Cả A và B đều đúng.
 - D. Cả A và B đều sai.
-

Câu 17:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, mức trợ cấp thai sản của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện cho mỗi con được sinh ra và mỗi thai từ 22 tuần tuổi trở lên chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ là bao nhiêu?

- A. 2.000.000 đồng.
 - B. 3.000.000 đồng.
 - C. 4.000.000 đồng.
 - D. Tất cả các đáp án trên đều sai.
-

Câu 18:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, thời gian giải quyết chế độ thai sản đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện như thế nào?

- A. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, người lao động có trách nhiệm nộp hồ sơ quy định tại Điều 96 của Luật này cho cơ quan Bảo hiểm xã hội.
 - B. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
 - C. Đáp án A và B đúng.
 - D. Đáp án A và B sai.
-

Câu 19:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng lương hưu từ ngày 01/7/2025 phải đảm bảo những điều kiện nào?

- A. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng lương hưu khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 10 năm trở lên.
 - B. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng lương hưu khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên.
 - C. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng lương hưu khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên.
 - D. Tất cả các đáp án trên đều sai.
-

Câu 20:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện nào sau đây khi chết thì tổ chức, cá nhân lo mai táng được nhận một lần trợ cấp mai táng ?

- A. Người có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 50 tháng trở lên;
 - B. Người có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 60 tháng trở lên;
 - C. Người đang hưởng lương hưu, tạm dừng hưởng lương hưu.
 - D. Đáp án B và C đúng
-

Câu 21:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, hồ sơ đề nghị hưởng lương hưu đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bao gồm những giấy tờ nào?

- A. Sổ bảo hiểm xã hội, văn bản đề nghị hưởng lương hưu và Căn cước công dân.
 - B. Sổ bảo hiểm xã hội và văn bản đề nghị hưởng lương hưu.
 - C. Văn bản đề nghị hưởng lương hưu.
 - D. Sổ bảo hiểm xã hội và Căn cước công dân.
-

Câu 22:

Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có thể đăng ký tham gia và đóng tiền theo các hình thức nào dưới đây? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Qua các Tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng BHXH, BHYT
 - B. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội
 - C. Qua công dịch vụ công trực tuyến
 - D. Tất cả đáp án trên đều đúng.
-

Câu 23:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định người lao động là công dân Việt Nam giao kết loại hợp đồng nào thì phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
 - B. Hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên.
 - C. Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên.
 - D. Thỏa thuận bằng miệng.
-

Câu 24:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định các đối tượng nào dưới đây thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Dân quân thường trực.
 - B. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.
 - C. Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tham gia theo quy định của Chính phủ.
 - D. Tất cả đáp án trên đều đúng.
-

Câu 25:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định, người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam, trừ các trường hợp nào dưới đây? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
 - B. Tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động.
 - C. Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.
 - D. Tất cả đáp án trên đều đúng.
-

Câu 26:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định, người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm:

- A. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và tổ chức cơ yếu.
 - B. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam
 - C. Doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.
 - D. Tất cả đáp án trên đều đúng.
-

Câu 27:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định các hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.
- B. Chiếm dụng tiền hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Cản trở, gây khó khăn hoặc làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia, thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 28:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 thì cơ quan Bảo hiểm xã hội thuộc loại hình nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp nhà nước.
- B. Công ty bảo hiểm tư nhân.
- C. Cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội; quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế; thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan.
- D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 29:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, hành vi nào sau đây được quy định là hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Chưa đóng hoặc đóng chưa đầy đủ số tiền phải đóng theo hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp đã đăng ký kể từ sau ngày đóng bảo hiểm xã hội chậm nhất quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật này (Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo đối với phương thức đóng hằng tháng; Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ đóng đối với phương thức đóng 03 tháng một lần hoặc 06 tháng một lần) hoặc kể từ sau ngày đóng bảo hiểm thất nghiệp chậm nhất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 39 của Luật này.
- B. Không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này (30 ngày).
- C. Không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 30:

Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 hành vi nào sau đây được quy định là hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người sử dụng lao động? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

A. Sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này mà người sử dụng lao động không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

B. Đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật này.

C. Không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký bảo hiểm xã hội bắt buộc sau 60 ngày kể từ ngày đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm nhất quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật này và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định tại Điều 35 của Luật này.

D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 31:

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định áp dụng biện pháp xử lý nào sau đây đối với hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

A. Bắt buộc đóng đủ số tiền chậm đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp chậm đóng và số ngày chậm đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

B. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

C. Không xem xét trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 32:

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 quy định áp dụng biện pháp xử lý nào sau đây đối với hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

A. Bắt buộc đóng đủ số tiền trốn đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trốn đóng và số ngày trốn đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

B. Xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

C. Không xem xét trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 33:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, nhóm tự đóng BHYT bao gồm những trường hợp nào sau đây?

- A. Người thuộc hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế theo hình thức hộ gia đình.
 - B. Người sinh sống và làm việc, người được nuôi dưỡng, chăm sóc trong các tổ chức, cơ sở từ thiện, tôn giáo.
 - C. Người lao động trong thời gian nghỉ không hưởng lương hoặc tạm hoãn hợp đồng lao động.
 - D. Người không thuộc các trường hợp quy định nêu trên.
 - E. Tất cả các đáp án trên đều đúng.
-

Câu 34:

Theo quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, hiện nay mức đóng bảo hiểm y tế hộ gia đình hằng tháng được tính bằng bao nhiêu % mức lương cơ sở?

- A. Bằng 4%.
 - B. Bằng 4,5%.
 - C. Bằng 5%.
 - D. Bằng 5,5%.
-

Câu 35:

Theo quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, mức đóng và giảm trừ mức đóng bảo hiểm y tế hằng tháng của thành viên hộ gia đình cùng tham gia trong năm tài chính được quy định như thế nào? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Người thứ nhất đóng bằng 4,5 % mức lương cơ sở.
 - B. Người thứ hai, ba, tư đóng lần lượt bằng 70%, 60%, 50% mức đóng của người thứ nhất.
 - C. Từ người thứ năm trở đi đóng bằng 40% mức đóng của người thứ nhất.
 - D. Tất cả đáp án trên đều đúng.
-

Câu 36:

Theo quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, phương thức đóng bảo hiểm y tế theo hộ gia đình được quy định như thế nào? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Đóng đủ mức theo quy định 03 tháng/01 lần.
 - B. Đóng đủ mức theo quy định 06 tháng/01 lần.
 - C. Đóng đủ mức theo quy định 12 tháng/01 lần.
 - D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.
-

Câu 37:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, người tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình lần đầu hoặc tham gia không liên tục **từ 90 ngày** trở lên, thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng khi nào?

- A. Thẻ có giá trị sử dụng ngay kể từ ngày đóng tiền.
 - B. Thẻ có giá trị sử dụng ít nhất sau 20 ngày kể từ ngày đóng tiền.
 - C. Thẻ có giá trị sử dụng sau 30 ngày kể từ ngày đóng tiền.
 - D. Tất cả các đáp án trên đều sai.
-

Câu 38:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, người tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình được thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu khi nào?

- A. Tháng đầu mỗi quý.
 - B. 05 ngày đầu mỗi tháng.
 - C. 05 ngày đầu mỗi quý.
 - D. 15 ngày đầu mỗi quý.
-

Câu 39:

Theo Luật Bảo hiểm y tế năm 2014, Bảo hiểm y tế là gì?

- A. Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật này để chăm sóc sức khỏe.
- B. Bảo hiểm y tế không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện.

C. Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật này để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện.

D. Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật này để chăm sóc sức khỏe, có một phần lợi nhuận.

Câu 40:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, người tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình khi đi khám bệnh, chữa bệnh thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng với mức hưởng như thế nào?

- A. 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - B. 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - C. 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - D. 75% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
-

Câu 41:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, đối tượng học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng trong phạm vi được hưởng với mức hưởng như thế nào?

- A. 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - B. 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - C. 90% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - D. 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
-

Câu 42:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, người tham gia bảo hiểm y tế đi khám chữa bệnh, chữa bệnh tại Trạm y tế xã thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng như thế nào?

- A. 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - B. 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - C. 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - D. 75% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
-

Câu 43:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, người tham gia bảo hiểm y tế 5 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm của những lần đi khám bệnh, chữa bệnh lớn hơn 6 lần mức tham chiếu thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng như thế nào?

- A. 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - B. 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - C. 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
 - D. 75% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.
-

Câu 44:

Theo quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, để thời gian tham gia BHYT được liên tục thì người tham gia BHYT theo hộ gia đình phải tham gia liên tục, đảm bảo thời gian gián đoạn không bị vượt quá số ngày là bao nhiêu?

- A. 30 ngày.
 - B. 60 ngày.
 - C. Trường hợp gián đoạn tham gia bảo hiểm y tế trong vòng 90 ngày được tính là thời gian tham gia bảo hiểm y tế liên tục.
 - D. 120 ngày.
-

Câu 45:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trong trường hợp nào sau đây?

- A. Làm việc theo hợp đồng có thời hạn dưới 12 tháng
 - B. Là người di chuyển nội bộ doanh nghiệp
 - C. Làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam
 - D. Đã đủ tuổi nghỉ hưu khi ký hợp đồng.
-

Câu 46:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, người tham gia bảo hiểm y tế khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình hồ sơ nào sau đây?

- A. Thẻ bảo hiểm y tế.
- B. Thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, giấy tờ chứng minh nhân thân của người đó.

- C. Đáp án A và B đều sai.
D. Đáp án A và B đều đúng.

Câu 47:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, hành vi nào sau đây được quy định là hành vi chậm đóng bảo hiểm y tế của người sử dụng lao động? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Chưa đóng hoặc đóng chưa đầy đủ số tiền phải đóng bảo hiểm y tế kể từ sau ngày đóng bảo hiểm y tế chậm nhất quy định tại khoản 8 Điều 15 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48b của Luật này;
B. Không lập danh sách hoặc lập danh sách không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm y tế trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật này;
C. Thuộc trường hợp không bị coi là trốn đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 2 Điều 48b của Luật này.
D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 48:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, hành vi nào sau đây được quy định là hành vi trốn đóng bảo hiểm y tế của người sử dụng lao động? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật này mà người sử dụng lao động không lập danh sách hoặc lập danh sách không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm y tế;
B. Đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm y tế thấp hơn tiền lương quy định tại Điều 14 của Luật này;
C. Không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký bảo hiểm y tế sau 60 ngày kể từ ngày đóng bảo hiểm y tế chậm nhất theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Luật này và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định của Chính phủ;
D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 49:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, biện pháp nào sau đây được áp dụng để xử lý hành vi chậm đóng bảo hiểm y tế? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Bắt buộc đóng đủ số tiền chậm đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền bảo hiểm y tế chậm đóng và số ngày chậm đóng vào quỹ bảo hiểm y tế;
B. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

- C. Không xem xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
 - D. Tất cả đáp án trên đều đúng.
-

Câu 50:

Theo quy định của Luật BHYT năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, biện pháp nào sau đây được áp dụng để xử lý hành vi trốn đóng bảo hiểm y tế? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Bắt buộc đóng đủ số tiền trốn đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền bảo hiểm y tế trốn đóng và số ngày trốn đóng vào quỹ bảo hiểm y tế;
 - B. Xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;
 - C. Không xem xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
 - D. Tất cả đáp án trên đều đúng.
-

HẾT